CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 18+19 **Ngày 15 tháng 5 năm 2023**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

20-4-2023	Quyết định số 875/QĐ-UBND phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y, lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên	2
25-4-2023	Quyết định số 921/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	21
26-4-2023	Quyết định số 933/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	41
27-4-2023	Quyết định số 944/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	73

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 875/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 20 tháng 04 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y, lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1151/TTr-SNN ngày 13/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên *(Phụ lục kèm theo)*.

Bãi bỏ 03 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thuỷ sản *(thủ tục hành chính số 1, 2, 3, số thứ tự V, mục A, phần I và thủ tục hành chính số 1, 2, 3, số thứ tự V, mục A, phần II)*; 09 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y *(thủ tục hành chính 7-15, số thứ tự IV, mục A, phần I và thủ tục hành chính số 7-15, số thứ tự IV, mục A, phần II)* được ban hành tại Quyết định số 4349/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt 91 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

Phụ lục:

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 875/QĐ-UBND ngày 20/ 04 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	Tên thủ tục hành chính
I	**Lĩnh vực Thú y**
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật
3	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật
4	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN

I	**Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản**
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. LĨNH VỰC THÚ Y

1. Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết			
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp	Trường hợp hồ sơ không	Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp	Trường hợp hồ sơ không

			lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định	**đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định**	**lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định**	**đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định**
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (Scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ về Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Chi cục	Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày
Bước 3	Xem xét, phân công phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày
Bước 4	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Trưởng phòng chuyên	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày

		môn của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản				
Bước 5	- Xử lý giải quyết hồ sơ (Kiểm tra, thẩm định hồ sơ) + Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Thông báo cho cơ sở về kế hoạch đánh giá thực tế tại cơ sở + Hồ sơ không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để hoàn thiện - Tham mưu cho lãnh đạo thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá. - Tổ chức đi kiểm tra đánh giá tại cơ sở quy định. - Dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật hoặc văn bản thông báo lý do không cấp, trình trưởng phòng chuyên môn	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ	17 ngày	17 ngày	22 ngày	22 ngày
Bước 6	Trình lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày
Bước 7	- Xem xét, ký phê duyệt kết quả TTHC.	Lãnh đạo Chi cục	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày

		Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản				
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ, chuyển kết quả TTHC cho Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày
Bước 9	Xác nhận vào hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có; chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công.	Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày

Tổng thời gian giải quyết TTHC	**20 ngày**	**20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ**	**25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục**	**25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục**

2. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (Scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ về Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản để xử lý hồ sơ	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	1/4 ngày làm việc
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Chi cục	Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/4 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, phân công phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/4 ngày làm việc
Bước 4	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn của Chi cục	1/4 ngày làm việc
Bước 5	- Xử lý giải quyết hồ sơ (Kiểm tra, thẩm định hồ sơ) - Dự thảo Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật hoặc văn bản	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ	2,5 ngày làm việc

	thông báo lý do không cấp, trình trưởng phòng chuyên môn		
Bước 6	Trình lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả	Lãnh đạo phòng chuyên môn của Chi cục	1/4 ngày làm việc
Bước 7	Xem xét, ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/2 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ, chuyển kết quả TTHC cho Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả	Công chức phòng Chuyên môn được giao xử lý hồ sơ	1/4 ngày
Bước 9	Xác nhận vào hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có; chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công.	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ	1/4 ngày
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC : 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ			

3. Cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

Thứ tự công việc	**Nội dung công việc**	**Trách nhiệm xử lý công việc**	**Thời gian giải quyết**			
			Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực	**Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc**	**Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục**	**Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực**

			hiện khắc phục theo quy định	**phục theo quy định**	**theo quy định**	**hiện khắc phục theo quy định**
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (Scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ về Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Chi cục	Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày
Bước 3	Xem xét, phân công phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày
Bước 4	Phân công công chức được giao nhiệm vụ tham mưu xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn của Chi cục	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày
Bước 5	- Xử lý giải quyết hồ sơ (Kiểm tra, thẩm định hồ sơ) + Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Thông báo	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ	27 ngày	27 ngày	32 ngày	32 ngày

	cho UBND cấp xã về kế hoạch đánh giá thực tế tại vùng + Hồ sơ không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản cho UBND cấp xã để hoàn thiện - Tham mưu cho lãnh đạo thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá - Tổ chức đi kiểm tra đánh giá tại vùng theo quy định. - Dự thảo Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật hoặc văn bản thông báo lý do không cấp, trình trưởng phòng chuyên môn					
Bước 6	Trình lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày
Bước 7	- Xem xét, ký phê duyệt kết quả TTHC. - Chuyển kết quả cho công chức được giao nhiệm vụ tham mưu xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ, chuyển kết quả TTHC cho Công chức được giao nhiệm	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày

	vụ tiếp nhận và trả kết quả					
Bước 9	Xác nhận vào hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có; chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công.	Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày
Bước 10	Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết TTHC			**30 ngày**	**30 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ**	**35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục**	**35 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục**

4. Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết

Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (Scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ về Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản để xử lý hồ sơ	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	1/4 ngày làm việc
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Chi cục	Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/4 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, phân công phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/4 ngày làm việc
Bước 4	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn của Chi cục	1/4 ngày làm việc
Bước 5	- Xử lý giải quyết hồ sơ (Kiểm tra, thẩm định hồ sơ) - Dự thảo Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật hoặc văn bản thông báo lý do không cấp, trình trưởng phòng chuyên môn	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ	2,5 ngày làm việc
Bước 6	Trình lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả	Lãnh đạo phòng chuyên môn của Chi cục	1/4 ngày làm việc
Bước 7	- Xem xét, ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/2 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản, lưu trữ, chuyển kết quả TTHC cho Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ	1/4 ngày làm việc

Bước 9	Xác nhận vào hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có; chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công.	Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thuỷ sản	1/4 ngày làm việc
Bước 10	Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

a. Đối với cơ sở có Giấy đăng ký liên hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư do cấp tỉnh cấp

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên** - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (Scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ về Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	01 ngày
Bước 2	Xem xét, phân công phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	1/2 ngày

Bước 3	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	1/2 ngày
Bước 4	**Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ của hồ sơ** - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ tham mưu văn bản thông báo cho cơ sở. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tham mưu thành lập Đoàn và đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở. - Dự thảo Giấy chứng nhận ATTP hoặc văn bản thông báo lý do không cấp trình Lãnh đạo phòng chuyên môn.	Công chức được giao nhiệm vụ tham mưu xử lý hồ sơ thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	11 ngày
Bước 5	Xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục kết quả thẩm định tại cơ sở	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	1/2 ngày
Bước 6	- Xem xét, ký phê duyệt kết quả thẩm định: Công nhận kết quả thẩm định xếp loại cho cơ sở, Giấy chứng nhận ATTP. - Chuyển kết quả cho công chức được giao nhiệm vụ tham mưu xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	1/2 ngày
Bước 7	Vào sổ văn bản, lưu trữ, xác nhận vào hệ thống thông tin một cửa điện tử kết quả đã có; chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	1/2 ngày
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, thu phí, lệ phí theo quy định.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông	1/2 ngày

		nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

b. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền thuộc UBND cấp huyện cấp

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện** - Cơ sở nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin tiếp nhận và trả kết quả điện tử. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ, TTHC. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả và chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn của UBND huyện để xử lý. - Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính thuộc UBND cấp huyện.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	01 ngày
Bước 2	Xem xét, phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	1/2 ngày
Bước 3	**Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ của hồ sơ** - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ tham mưu văn bản thông báo cho cơ sở. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tham mưu thành lập Đoàn và đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở, dự thảo Giấy chứng nhận ATTP trình lãnh đạo phòng xét duyệt.	Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được phân công xử lý hồ sơ	11 ngày

Bước 4	Trình lãnh đạo UBND cấp huyện (hoặc lãnh đạo Phòng chuyên môn được UBND cấp huyện ủy quyền) xem xét.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn/Công chức thuộc UBND cấp huyện được phân công xử lý hồ sơ	1/2 ngày
Bước 5	- Xem xét, Ký phê duyệt công nhận kết quả thẩm định xếp loại cho cơ sở, ký Giấy chứng nhận ATTP. - Chuyển kết quả đến công chức xử lý hồ sơ TTHC.	Lãnh đạo UBND cấp huyện (hoặc Lãnh đạo Phòng chuyên môn được UBND cấp huyện ủy quyền)	1/2 ngày
Bước 6	Chuyển kết quả đến công chức xử lý hồ sơ TTHC.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	1/2 ngày
Bước 7	Công chức tiếp nhận kết quả, vào sổ, chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Công chức xử lý hồ sơ Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	1/2 ngày
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, thu phí, lệ phí theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản *(trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)*

a. Đối với cơ sở có Giấy đăng ký liên hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư do cấp tỉnh cấp

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên** - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (Scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ về Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	01 ngày
Bước 2	Xem xét, phân công phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục	1/2 ngày

		Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	
Bước 3	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	1/2 ngày
Bước 4	**Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ của hồ sơ** - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ tham mưu văn bản thông báo cho cơ sở. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tham mưu thành lập Đoàn và đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở. - Dự thảo Giấy chứng nhận ATTP hoặc văn bản thông báo lý do không cấp trình Lãnh đạo phòng chuyên môn.	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	11 ngày
Bước 5	Xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục kết quả thẩm định tại cơ sở	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	1/2 ngày
Bước 6	- Xem xét, ký phê duyệt kết quả thẩm định: Công nhận kết quả thẩm định xếp loại cho cơ sở, Giấy chứng nhận ATTP. - Chuyển kết quả cho công chức được giao nhiệm vụ tham mưu xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	1/2 ngày
Bước 7	Vào sổ văn bản, lưu trữ, xác nhận vào hệ thống thông tin một cửa điện tử kết quả đã có; chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh	Công chức được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	1/2 ngày

Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, thu phí, lệ phí theo quy định.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

b. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền thuộc UBND cấp huyện cấp

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện** - Cơ sở nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin tiếp nhận và trả kết quả điện tử. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ, TTHC. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả và chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn của UBND huyện để xử lý. - Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính thuộc UBND cấp huyện.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	01 ngày
Bước 2	Xem xét, phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	1/2 ngày
Bước 3	**Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ của hồ sơ** - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ tham mưu văn bản thông báo cho cơ sở. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tham mưu thành lập Đoàn và đi thẩm định thực tế điều kiện	Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được phân công xử lý hồ sơ	11 ngày

	bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở, dự thảo Giấy chứng nhận ATTP trình lãnh đạo phòng xét duyệt.		
Bước 4	Trình lãnh đạo UBND cấp huyện (hoặc lãnh đạo Phòng chuyên môn được UBND cấp huyện ủy quyền) xem xét.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn/Công chức thuộc UBND cấp huyện được phân công xử lý hồ sơ	1/2 ngày
Bước 5	- Xem xét, phê duyệt công nhận kết quả thẩm định xếp loại cho cơ sở, ký giấy chứng nhận ATTP. - Chuyển kết quả đến công chức xử lý hồ sơ TTHC.	Lãnh đạo UBND cấp huyện (hoặc Lãnh đạo Phòng chuyên môn được UBND cấp huyện ủy quyền)	1/2 ngày
Bước 6	Chuyển kết quả đến công chức xử lý hồ sơ TTHC.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	1/2 ngày
Bước 7	Công chức tiếp nhận kết quả, vào sổ, chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Công chức xử lý hồ sơ Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	1/2 ngày
Bước 8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, thu phí, lệ phí theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 921/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 25 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công bố các thủ tục hành chính mới

ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 284/TTr-SLĐTBXH ngày 13/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính cấp xã lĩnh vực Giảm nghèo *(số thứ tự 01, 02, Mục I, phần C)* và 01 thủ tục hành chính cấp xã lĩnh vực Bảo trợ xã hội *(số thứ tự 04, Mục II, phần C)* được công bố tại Quyết định số 4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

(có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm	**Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30-03-2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					biểu báo cáo - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18-07-2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo	
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	***Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:*** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30-03-2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					- Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18-07-2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo	
3	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	***Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:*** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30-03-2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động -	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo - Thông tư số 07/2021/TT-	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					BLĐTBXH ngày 18-07-2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					biểu báo cáo	
4	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15 ngày	***Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:*** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Cư trú; - Luật Bảo hiểm Y tế; - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					ngày 30-03-2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18-07-2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn phương	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ
I	**LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO**	

1	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025
II	**LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI**	
1	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016 - 2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 933/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 26 tháng 04 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 210/TTr-STNMT ngày 18/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên *(Phụ lục I kèm theo)*.

Bãi bỏ 08 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Tài nguyên nước *(thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 13, 15, Số thứ tự I, mục A)* và 01 thủ tục hành chính cấp huyện lĩnh vực Tài nguyên nước *(thủ tục hành chính số 1, số thứ tự I, mục B)* được công bố tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 trong các lĩnh vực: Tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, địa chất khoáng sản, đo đạc bản đồ và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên *(Phụ lục II kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
I	**Lĩnh vực Tài nguyên nước**					
1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt.	10 ngày làm việc: - Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.)	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. - Bộ phận một cửa UBND cấp xã	- Phí, lệ phí: Không quy định	1. Luật Tài nguyên nước 2012. 2. Nghị định 02/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
2	Đăng ký khai thác nước dưới đất	15 ngày làm việc: - Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.)	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	- Phí, lệ phí: Không quy định	1. Luật Tài nguyên nước 2012. 2. Nghị định 02/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	Một cửa
3	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	10 ngày làm việc: - Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra và trình	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành	- Phí, lệ phí: Không quy định	1. Luật Tài nguyên nước năm 2012. 2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước)	phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.			
4	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m^3/ngày đêm	36 ngày làm việc: - *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - *Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo*: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	+ Đối với đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm: 300.000 đồng/1 đề án. + Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 500 m^3/ngày đêm: 800.000 đồng/1 đề án, báo cáo. + Đối với đề án, báo cáo thăm dò,	1. Luật Tài nguyên nước năm 2012; 2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. 3. Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		nhiệm thẩm định đề án, báo cáo. - *Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo* không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc. - *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.		khai thác có lưu lượng nước từ 500 m^3 đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm: 2.000.000 đồng/1 đề án, báo cáo. + Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 1.000 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm: 3.800.000 đồng/1 đề án, báo cáo.	phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
5	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm	31 ngày làm việc: *- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. *- Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo*: trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	- Đối với hồ sơ có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm: 150.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với hồ sơ có lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 500 m^3/ngày đêm: 400.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với hồ sơ có lưu lượng nước từ 500 m^3 đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm: 1.000.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với hồ sơ có lưu lượng nước từ 1.000 m^3 đến dưới	1. Luật Tài nguyên nước năm 2012; 2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. 3. Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		đồng thẩm định đề án, báo cáo. *Thời gian bổ sung, hoàn thiện* đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc. - *Thời hạn trả giấy phép:* trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận giấy phép.		3.000 m^3/ngày đêm: 1.900.000 đồng/1 hồ sơ.	mặt; phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
6	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm	36 ngày làm việc: - *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - *Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo*: trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo. *Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo* không tính vào thời gian thẩm định	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	* Đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động: Phí thẩm định Báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất: + Đối với lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm: 300.000 đồng/1 báo cáo. + Đối với lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 500 m^3/ngày đêm: 800.000 đồng/1 báo cáo. + Đối với lưu lượng nước từ 500 m^3 đến dưới 1.000 m^3/ngày	1. Luật Tài nguyên nước năm 2012; 2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. 3. Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc. - *Thời hạn trả giấy phép:* trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.		đêm: 2.000.000 đồng/1 báo cáo. + Đối với lưu lượng nước từ 1.000 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm: 3.800.000 đồng/ 1 báo cáo. * Đối với trường hợp chưa có công trình khai thác: Phí thẩm định báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất: - Đối với báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm:	mặt; phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
				300.000 đồng/1 báo cáo. - Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng: + Từ 200 m^3 đến dưới 500 m^3/ngày đêm: 1.100.000 đồng/1 báo cáo. + Từ 500 m^3 đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm: 2.500.000 đồng/1 báo cáo. + Từ 1.000 m^3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm: 4.500.000 đồng/1 báo cáo.		
7	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng	31 ngày làm việc: *- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời hạn 03	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**	- Đối với hồ sơ có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm:	1. Luật Tài nguyên nước năm 2012; 2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm	ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - *Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo*: trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo. *Thời gian bổ sung, hoàn thiện* đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	150.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với hồ sơ có lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 500 m^3/ngày đêm: 400.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với hồ sơ có lưu lượng nước từ 500 m^3 đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm: 1.000.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với hồ sơ có lưu lượng nước từ 1.000 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm: 1.900.000 đồng/1 hồ sơ.	ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. 3. Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; phí	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc. - *Thời hạn trả giấy phép:* trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận giấy phép.			thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
8	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác dư	36 ngày làm việc: - *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	- Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m^3/ngày đêm: 500.000 đồng/1 đề án. - Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt	1. Luật Tài nguyên nước năm 2012; 2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. 3. Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	ới 2m3 /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lư ợng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu l ượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích	- *Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo*: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo. *Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo* không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc. - *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc,		cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m^3 đến dưới 0,5 m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm: 1.400.000 đồng/1 đề án. - Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m^3 đến dưới 1 m^3/giây; hoặc để phát điện với	UBND tỉnh Thái Nguyên quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm;	kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.		công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m^3 đến dưới 20.000 m^3/ngày đêm: 3.300.000 đồng/1 đề án. - Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m^3 đến dưới 2 m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
				m^3 đến dưới 50.000 m^3/ngày đêm: 6.300.000 đồng/1 đề án.		
9	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác dư ới 2m3 /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lư ợng khai thác từ 2m3/giây	31 ngày làm việc: - *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - *Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo*: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	- Đối với hồ sơ khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m^3/ngày đêm: 250.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với hồ sơ khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m^3 đến dưới 0,5 m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200	1. Luật Tài nguyên nước năm 2012; 2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. 3. Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng,	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm	thẩm định đề án, báo cáo. *Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo* không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc. - *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp		kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m^3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm: 700.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với hồ sơ khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m^3 đến dưới 1 m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m^3 đến dưới 20.000 m^3/ngày	khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		phép để nhận giấy phép.		đêm: 1.650.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với hồ sơ khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m^3 đến dưới 2 m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m^3 đến dưới 50.000 m^3/ngày đêm: 3.150.000 đồng/1 hồ sơ.		
10	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	1. Đối với cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**	1. Đối với Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai	1. Luật Tài nguyên nước năm 2012; 2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		dưới đất: 16 ngày làm việc: - *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. - *Thời hạn trả giấy phép:* trong thời hạn ba (03) ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	thác, sử dụng nước dưới đất a. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất + Đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm: 100.000 đồng/1 hồ sơ. + Đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất có có lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 500 m^3/ngày đêm: 267.000 đồng/1 hồ sơ.	ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. 3. Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; phí	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép. 2. Đối với cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt: 16 ngày làm việc: - *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: Trong thời hạn		+ Đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất có có lưu lượng nước từ 500 m^3 đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm: 667.000 đồng/1 hồ sơ. + Đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất có có lưu lượng nước từ 1.000 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm: 1.267.000 đồng/1 hồ sơ. b. Cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất: + Đối với lưu lượng nước dưới	thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. - *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép để nhận giấy phép.		200 m^3/ngày đêm: 100.000 đồng/1 hồ sơ. + Đối với lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 500 m^3/ngày đêm: 267.000 đồng/1 hồ sơ. + Đối với lưu lượng nước từ 500 m^3 đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm: 667.000 đồng/1 hồ sơ. + Đối với lưu lượng nước từ 1.000 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm: 1.267.000 đồng/ 1 hồ sơ.		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
				2. Đối với cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt: - Đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m^3/ngày đêm: 150.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m^3 đến dưới 0,5 m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
				kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm: 420.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m^3 đến dưới 1 m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m^3 đến dưới 20.000 m^3/ngày		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
				đêm: 990.000 đồng/1 hồ sơ. - Đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m^3 đến dưới 2 m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m^3 đến dưới 50.000 m^3/ngày đêm: 1.890.000 đồng/1 hồ sơ.		
11	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án	* *Đối với các dự án không có chuyển*	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**	- Phí, lệ phí: Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên sông suối thuộc trường hợp phải xin phép	*nước từ nguồn nước liên tỉnh:* Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho chủ đầu tư. ** Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh,*	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	- Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả.	01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh: - Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan đến các đơn vị liên quan xin ý kiến. - Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Tổ chức lưu vực sông (nếu có) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ đầu tư; Sở Tài nguyên và				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với sở, ban , ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án; tổng hợp ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi cho chủ đầu tư.				

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
I	**Lĩnh vực Tài nguyên nước**					
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	10 ngày làm việc: - Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. - Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan xác nhận đăng kí có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận và tờ khai và gửi	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả giải quyết TTHC:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (người dân có quyền lựa chọn).	- Phí, lệ phí: Không quy định	1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012. 2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.				
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	* Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cho chủ đầu tư.	**- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện.	- Phí, lệ phí: Không quy định - Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả.	1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012. 2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		* Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: - Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tỏ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thạo trực tiếp với chủ đầu tưl tổng hợp ý kiến và gửi cho chủ đầu tư.				

PHỤ LỤC II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số: 933 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ
I	**Thủ tục hành chính cấp tỉnh**	
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
3	Cấp giấy phép, khai thác sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
4	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000 m3/ngày đêm	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ
	biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m3/ngày đêm	
6	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m3/ ngày đêm	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
7	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
8	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh (TTHC cấp tỉnh)	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
II	**Thủ tục hành chính cấp huyện**	
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 944/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 27 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-LĐTBXH ngày 16/3/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công bố các thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 305/TTr-SLĐTBXH ngày 21/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội *(có phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Thái Nguyên; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC VIỆC LÀM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 944 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định, trình Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực	**Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:** Người lao động nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án	Không	- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; - Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		hiện chương trình xem xét, phê duyệt; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng			23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.				
2	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định, trình	**Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu vay vốn lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án	Không	- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt. Nếu			làm; - Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.			thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	**Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:** Người lao động nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án	Không	- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; - Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
2	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	**Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án	Không	- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; - Nghị định số 74/2019/NĐ -CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ -CP ngày	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm ; - Nghị định số 104/2022/NĐ -CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công .	

CÔNG BÁO tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử tỉnh Thái Nguyên được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: http://congbaothainguyen.gov.vn.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16A, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: portal@thainguyen.gov.vn

Website: http://congbaothainguyen.gov.vn